TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **101**/2019/KDTM-PT.
Ngày: 12/9/2019.
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh
Bà Ngô Tuyết Băng
Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Giang-Thư ký Toà án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:
Ông Phạm Tuấn An-Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 108/2019/KTPT ngày 15/8/2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2019/QĐXX-PT ngày 27/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 343/2019/QĐ-HPT ngày 05/9/2019.

**Nguyên đơn:* Công ty CP vật tư thép H.
Có trụ sở tại: xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Người đại diện theo pháp luật: ông Đào Quang M, chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988, chức vụ: Phó giám đốc Công ty (theo giấy ủy quyền số 1115/UQ-THN ngày 15/11/2018). Trú tại: số 62 phố A, phường M, quận H, Hà Nội. Ông T có mặt.

** Bị đơn:* Công ty CP sản xuất cơ khí và xây dựng C.
Có trụ sở tại: Lô 66, xóm M, thôn D, xã M, huyện Đ, Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: số 59, ngõ 529 đường N, tổ 22, phường T, quận L, Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thúy Q, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

1. Nguyên đơn là Công ty cổ phần vật tư T trình bày:

Công ty CP vật tư T (sau đây gọi tắt là Công ty T) và Công ty CP sản xuất cơ khí và xây dựng C (sau đây gọi tắt là Công ty C) ký kết với nhau Hợp đồng kinh tế số 03/09/2017 HĐKT-VTHN-CNC ngày 03/9/2017.

Nội dung: Công ty T bán cho Công ty C thép cốt bê tông cán nóng các loại do các nhà máy, đơn vị sản xuất;

Số lượng và giá cả: Số lượng là tổng lượng hàng giao nhận thực tế và giá áp dụng từng thời điểm cho từng lô hàng được quy định hoặc thể hiện trong các văn bản giao hàng, báo giá hoặc các hóa đơn VATđược hai bên xác nhận hoặc đã kê khai thuế;

Thời hạn thanh toán: Thanh toán trước hoặc ngay khi nhận hàng, quá thời hạn trên là vi phạm hợp đồng và phải chịu lãi suất quá hạn là 0,06%/ngày.

- Quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 05/9/2017, Công ty C trả trước là 1.400.000.000 đồng.

Ngày 06/9/2017, Công ty C mua là 1.420.519.370 đồng tiền hàng, cùng ngày Công ty CNC thanh toán thêm là 700.000.000 đồng.

Ngày 07/9/2017, Công ty C mua thêm là 918.913.960 đồng tiền hàng.

Tổng số tiền hàng Công ty C đã mua là 2.339.433.330 đồng.

Số tiền đã thanh toán là 2.100.000.000 đồng.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên thì tính đến ngày 07/9/2017 Công ty C còn nợ Công ty T số tiền gốc là 239.433.330 đồng.

Công ty T đã nhiều lần yêu cầu Công ty C thanh toán nốt số tiền hàng còn thiếu nhưng Công ty C chỉ trả được các khoản như sau: Ngày 27/4/2018, số tiền thanh toán là 20.000.000 đồng; Ngày 29/6/2018, số tiền thanh toán là 10.000.000 đồng; Ngày 14/8/2018, số tiền thanh toán là 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 40.000.000 đồng. Còn lại 199.433.330 đồng nợ gốc chưa thanh toán.

Công ty T khởi kiện đề nghị Toà án xem xét buộc Công ty C phải có trách nhiệm thanh toán: Nợ gốc là 199.433.330 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 15/10/2018 là 54.822.979 đồng và tiền lãi quá hạn trên dư nợ gốc kể từ ngày 15/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế.

2. Bị đơn Công ty C do ông Trần Nhật H là người đại diện theo pháp luật (vào thời điểm ngày 26/3/2019) trình bày tại Bản tự khai:

Bị đơn nhất trí về toàn bộ quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng kinh tế số 03/09/2017 HĐKT-VTHN-CNC ngày 03/9/2017 giữa Công ty T với Công ty C như theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên thì tính đến ngày 07/9/2017 Công ty C xác nhận còn nợ Công ty T số tiền gốc là 239.433.330 đồng. Sau đó Công ty C đã trả được một phần số nợ, hiện còn là 199.433.330 đồng nợ gốc chưa thanh toán cho Công ty T.

Nay Công ty C xác định sẽ có trách nhiệm xây dựng lộ trình trả số tiền 199.433.330 đồng nợ gốc chưa thanh toán cho Công ty T và đề nghị Tòa án hòa giải. Đồng thời, do điều kiện kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty C đang gặp khó khăn nên không chấp nhận thanh toán số tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc như nguyên đơn yêu cầu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cách xác định số tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng là tính theo mức lãi suất là 20%/năm trên số tiền gốc chậm trả và xuất trình bảng chi tiết công nợ và lãi chậm trả của Công ty Ctính đến ngày 14/5/2019. Buộc Công ty C phải có trách nhiệm thanh toán các khoản: Nợ gốc là 199.433.330 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 14/5/2019 là 73.398.636 đồng theo mức lãi suất 20%/năm.

Người đại diện hợp pháp của Công ty C\ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

- Buộc Công ty CP sản xuất cơ khí và xây dựng C phải thanh toán cho Công ty CP vật tư Ttổng số tiền tính đến ngày 14/5/2019 là:

Nợ gốc: 199.433.330 đồng.

Nợ lãi: 53.380.824 đồng.

Tổng cộng: 252.814.154 đồng.

- Không chấp nhận đối với yêu cầu phần tiền lãi chậm trả 20.017.812 đồng vượt quá quy định của Công ty CP vật tư T.

Kể từ ngày 15/5/2019, Công ty CP sản xuất cơ khí và xây dựng C còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất quá hạn trên thị trường tại thời điểm thanh toán cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra bản án còn nêu về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn là Công ty T kháng cáo đối với bản án kinh doanh thương mại số 08/2019/KDTM-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội với nội dung: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tiền lãi; Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 272.831.966 đồng (nợ gốc là 199.433.330 đồng, tiền lãi tính đến ngày 14/5/2019 là 73.398.636 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề ngị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tiền lãi; Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 272.831.966 đồng (nợ gốc là 199.433.330 đồng, tiền lãi tính đến ngày 14/5/2019 là 73.398.636 đồng).

Bị đơn là Công ty C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại số 08/2019/KDTM-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

- Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn là Công ty CP sản xuất cơ khí và xây dựng C, có trụ sở tại: Lô 66, xóm Mthôn D, xã M, huyện Đ, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Bị đơn là Công ty CP sản xuất cơ khí và xây dựng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty C thấy rằng:

- Hợp đồng kinh tế số 03/09/2017 HĐKT-VTHN-CNC ngày 03/9/2017 giữa Công ty T và Công ty C hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Các điều khoản thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hợp đồng kinh tế số 03/09/2017 HĐKT-VTHN-CNC ngày 03/9/2017 được hai bên xác nhận là hợp pháp và có hiệu lực pháp lý.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên ngày 07/9/2017 thì tính đến ngày 07/9/2017 Công ty C còn nợ Công ty T số tiền gốc là 239.433.330 đồng.

Từ ngày 27/4/2018 đến ngày 14/8/2018, Công ty C thanh toán thêm 40.000.000 đồng tiền nợ gốc. Số nợ gốc hiện còn chưa thanh toán là 199.433.330 đồng.

Do vậy, yêu cầu buộc Công ty C phải thanh toán số tiền nợ gốc 199.433.330 đồng của Công ty T của Tòa án sơ thẩm là có căn cứ và không có kháng cáo.

- Về yêu cầu tính lãi: Theo thoả thuận trong Hợp đồng kinh tế số 03/09/2017 HĐKT-VTHN-CNC ngày 03/9/2017 giữa hai bên thì nếu đến hạn thanh toán mà bên A (Công ty C) chưa thanh toán gọn công nợ là vi phạm hợp đồng và phải chịu lãi suất quá hạn là 0,06%/ngày trong suốt thời gian quá hạn. Mức lãi suất này tính theo năm là 21,6%/năm vượt quá quy định về việc thỏa thuận theo Điều 306 Luật thương mại cũng như Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Mức lãi suất quá hạn của nguyên đơn yêu cầu đối với số tiền nợ gốc chậm thanh toán tại phiên tòa là 20%/năm, đây là mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 chứ không phải lãi suất hai bên thỏa thuận. Mặc dù mức lãi suất này thấp hơn mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế là 21,9%/năm và không vượt quá lãi suất theo Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nhưng tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định: "*Trường hợp hợp đồng*

thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Tòa án sơ thẩm đã áp dụng lãi suất quá hạn trung bình của liên ngân hàng là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam với mức lãi suất là 14,5%/năm, tương đương 0,04%/ngày. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm là 20%/năm cao hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán bằng 14,5%/năm. Do đó phần lãi suất quá hạn mà nguyên đơn yêu cầu vượt quá 14,5%/năm không được chấp nhận.

Cụ thể, số tiền lãi quá hạn được tính như sau:

+ Từ ngày 07/9/2017 đến ngày 27/4/2018 (232 ngày), số dư nợ gốc 239.433.330 đồng. Lãi quá hạn: 239.433.330 đồng x 0,04% x 232 = 22.219.413 đồng.

+ Từ ngày 27/4/2018 đến ngày 29/6/2018 (63 ngày), số dư nợ gốc 219.433.330 đồng. Lãi quá hạn: 219.433.330 đồng x 0,04% x 63 = 5.529.719 đồng.

+ Từ ngày 29/6/2018 đến ngày 14/8/2018 (46 ngày), số dư nợ gốc 209.433.330 đồng. Lãi quá hạn: 209.433.330 đồng x 0,04% x 46 = 3.853.573 đồng.

+ Từ ngày 14/8/2018 đến ngày 14/5/2019 (273 ngày), số dư nợ gốc 199.433.330 đồng. Lãi quá hạn: 199.433.330 đồng x 0,04% x 273 = 21.778.119 đồng.

⇨ Tổng cộng: 53.380.824 đồng.

Số tiền lãi quá hạn không chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn là: 73.398.636 đồng - 53.380.824 đồng = 20.017.812 đồng.

Như vậy bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14/5/2019) gồm các khoản: Nợ gốc: 199.433.330 đồng, Nợ lãi tính đến ngày 14/5/2019 là 53.380.824 đồng. Tổng cộng là 252.814.154 đồng như Tòa án sơ thẩm là có căn cứ. Kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận.

Kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Tuy nhiên, quyết định của Tòa án sơ thẩm về lãi chậm trả khi thi hành án thì lại không áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là không đúng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên phải sửa án sơ thẩm.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và điểm b khoản 5 Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 24, Điều 4, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá. Bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Buộc Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng C phải thanh toán cho Công ty cổ phần vật tư T tổng số tiền tính đến ngày 14/5/2019 là:

- Nợ gốc: 199.433.330 đồng.

- Nợ lãi: 53.380.824 đồng.

- Tổng cộng: 252.814.154 đồng.

2. Không chấp nhận đối với yêu cầu phần tiền lãi chậm trả là 20.017.812 đồng vượt quá quy định của Công ty cổ phần vật tư T.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí:

Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng C phải chịu 12.640.707 đồng án phí sơ thẩm.

Công ty cổ phần vật tư T phải chịu 3.000.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.356.000 đồng theo Biên lai số AA/2017/0008256 ngày 15/02/2019 và 2.000.000 đồng theo Biên lai số 08539 ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Công ty cổ phần vật tư T được trả lại số tiền 5.356.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản bán phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 12/9/2019.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- TAND huyện Đông Anh;
- Lưu HS, TKT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Hoàng Minh Thành